TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ - ST
Ngày 29/11/2018
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Đức Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Thu Trang.

2. Ông Vàng Văn Phủ.

Thư ký phiên toà: Ông Lê Quý Sửu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/TLST - HNGĐ ngày 10/10/2018 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXX - ST ngày 15/11/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Tả M - Sinh năm 1981.

Nghề nghiệp: Tự do; Dân tộc: Dao.

Trú tại: Thôn S, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Lò Sành C - Sinh năm 1976.

Nghề nghiệp: Tự do; Dân tộc: Dao.

Trú tại: Thôn S, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và biên bản lấy khai nguyên đơn chị Lò Tả M trình bày: Chị và anh Lò Sành C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi về chung sống vợ

chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C nghiện ma tuý, phá tán tài sản gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, trầm trọng, mặc dù đã được hai bên gia đình và thôn xã hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, hiện tại anh chị tuy sống chung cùng nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau và cũng không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Chị M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên chị xin được ly hôn với anh Lò Sành C.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh C có hai người con chung là Lò Thị P - Sinh ngày 17/7/1998; Lò Văn T - Sinh ngày 08/3/2000. Đến nay các cháu đã trưởng thành tự lo được cuộc sống, vì vậy chị M không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Lò Tả M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lò Sành C vắng mặt tại phiên tòa. Trong bản khai ngày 25/10/2018 anh trình bày: Về thời gian và quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng, con chung và tài sản chung đúng như chị M đã khai. Chị M xin ly hôn anh xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị M vẫn còn, anh có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng. Trường hợp chị M cương quyết ly hôn, anh đề nghị tòa án giải quyết theo pháp luật và không yêu cầu tòa án giải quyết về con chung và tài sản chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã đảm bảo đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án giải quyết theo hướng: Không công nhận quan hệ giữa chị Lò Tả M và anh Lò Sành C là quan hệ vợ chồng.

Về con chung và tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Lò Tả M và anh Lò Sành C đều cư trú tại xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39

của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết, xét xử của Tòa án nhân dân huyện B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Tả M và anh Lò Sành C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không thể kéo dài. Đến nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Sành C. Xét thấy thời điểm anh C và chị M bắt đầu chung sống với nhau, hai người chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của luật hôn nhân gia đình năm 1987. Trong quá trình chung sống đã có con chung, tài sản chung và trong thời gian từ ngày 01/01/2001 đến ngày 01/01/2003 là thời gian nhà nước khuyến khích những cặp vợ chồng đủ điều kiện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn, nhưng từ đó đến nay chị M và anh C cũng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Lò Tả M và anh Lò Sành C là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh chị có có hai người con chung là Lò Thị P - Sinh ngày 17/7/1998; Lò Văn T - Sinh ngày 08/3/2000. Nay các cháu đã trưởng thành tự lo được cuộc sống của mình, anh, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Toà án chị Lò Tả M phải chịu án phí hôn nhân 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Từ những nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự ; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Lò Tả M và anh Lò Sành C là quan hệ vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Lò Tả M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số

0003111 ngày 10/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Chị Lò Tả M đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyền Kháng Cáo: Chị Lò Tả M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lò Sành C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh; huyện*
- *Các đương sự 2;*
- *UBND xã B;*
- *THADS;*
- *Lưu HS, VP.*

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Ngô Đức Quang

Các hội thẩm nhân dân	Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Vàng Văn Phủ Bùi Thị Thu Trang	Ngô Đức Quang

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh; huyện*
- *Các đương sự 2;*
- *UBND xã Bản Xèo;*
- *THADS;*
- *Lưu HS, VP*.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Ngô Đức Quang

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tẩn A Liều **Vàng Văn Phủ** **Phạm Thị Thanh Hương**